

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

VIỆN QUẢN LÝ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

--o0o--



MÔN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

**HỢP NHẤT KINH DOANH TRONG TRƯỜNG
HỢP THAY ĐỔI SỞ HỮU CỔ QUYỀN**

GVHD: PGS.TS Hà Xuân Thạch

Nhóm thực hiện: Nhóm 6

Lớp: kế toán kiểm toán đêm

Khóa: 21

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2012

MỤC LỤC

6.1 Mua công ty con trong một kỳ kế toán	3
6.2 Mua lại từng phần.....	6
6.3 Bán cổ quyền	8
6.3.1 Sau khi bán vẫn còn duy trì quan hệ công ty mẹ - công ty con.....	8
6.3.1.1 Bán cổ quyền đầu kỳ.....	9
6.3.1.2 Bán cổ quyền giữa niên độ.....	10
6.3.2 Sau khi bán không còn quan hệ công ty mẹ - công ty con.....	15
6.4 Thay đổi do giao dịch chứng khoán (cổ phiếu) của công ty con	16
6.4.1 Bán cổ phiếu bổ sung bởi công ty con:.....	16
6.4.1.1. Công ty con bán cổ phần cho công ty mẹ.....	16
6.4.1.2. Công ty con bán cổ phiếu cho công ty bên ngoài.....	19
6.4.2 Giao dịch cổ phiếu quỹ của công ty con.....	20
6.4.3 Chia, tách cổ phiếu của công ty con.....	23

6.1 Mua công ty con trong một kỳ kế toán

Khi công ty con bị mua trong một kỳ kế toán, thì kế toán phải thực hiện một số điều chỉnh hợp nhất để tính toán lợi nhuận của công ty con đã kiểm được trước khi bị mua (đã được bao gồm trong giá mua). Lợi nhuận đó được gọi là ***lợi nhuận trước khi mua*** để phân biệt với lợi nhuận trong đơn vị hợp nhất. Tương tự, ***cổ tức trước khi mua*** là cổ tức trả trên cổ phần trước khi mua công ty con trong một kỳ kế toán và cũng đòi hỏi phải thực hiện các điều chỉnh khi lập BCTC hợp nhất.

Lợi nhuận trước khi mua loại trừ khỏi lợi nhuận hợp nhất bằng cách loại bỏ doanh thu và chi phí của công ty con trước khi mua khỏi doanh thu và chi phí khi hợp nhất. Cổ tức trả trên cổ phần trước khi mua trong một kỳ kế toán cũng phải bị loại trừ trong quá trình hợp nhất bởi vì nó không là một phần của cổ phần mua được.

VD : Ngày 1/4/2011, công ty A mua 90% cổ quyền của công ty B với giá \$213.750. Lợi nhuận, cổ tức, và vốn cổ đông của B cho năm 2011 được tóm tắt như sau : ĐVT (\$)

	1/1-31/3	1/4- 31/12	1/1 – 31/12
Lợi nhuận			
Doanh thu	25.000	75.000	100.000
Chi phí	<u>12.500</u>	<u>37.500</u>	<u>50.000</u>
Lợi nhuận ròng	<u>12.500</u>	<u>37.500</u>	<u>50.000</u>
Cổ tức	<u>10.000</u>	<u>15.000</u>	<u>25.000</u>
	1/1	1/4	31/12

Vốn cổ đông

Vốn cổ phần	200.000	200.000	200.000
Lợi nhuận giữ lại	<u>35.000</u>	<u>37.500</u>	<u>60.000</u>
Vốn cổ đông	<u>235.000</u>	<u>237.500</u>	<u>260.000</u>

Ngày 1/4, công ty A mua 90% cổ quyền của công ty B : $90\% \times 237.500 = 213.750$

<i>Đầu tư vào B</i>	<i>213.750</i>
<i>Tiền</i>	<i>213.750</i>

Cuối năm 2011, công ty A xác định phần lợi nhuận của mình trong lợi nhuận của công ty con B từ 1/4/2011 – 31/12/2011, còn lợi nhuận của B từ 1/1/2011 – 31/3/2011 là lợi nhuận trước khi mua phải loại trừ :

<i>Đầu tư vào B</i>	<i>33.750</i>
<i>Thu nhập từ B</i>	<i>33.750</i>

Ghi nhận thu nhập 3 quý cuối năm 2011 ($\$37.500 \times 90\%$)

Công ty B chia cổ tức \$25.000 trong 2011, nhưng \$10.000 trả trước khi công ty A mua công ty B. Theo đó, công ty A xác định phần cổ tức của mình được chia, và lập bút toán như sau :

<i>Tiền</i>	<i>13.500</i>
<i>Đầu tư vào B</i>	<i>13.500</i>

Ghi nhận cổ tức được chia ($\$15.000 \times 90\%$)

Công ty A sẽ thực hiện các bút toán sau khi tiến hành hợp nhất BCTC

<i>a. Thu nhập từ B</i>	<i>33.750</i>
<i>Cổ tức</i>	<i>13.500</i>
<i>Đầu tư vào B</i>	<i>20.250</i>

Bút toán (a) loại trừ khoản mục đầu tư vào công ty con B tương ứng với lợi nhuận từ B và cổ tức nhận được từ B, và trả tài khoản đầu tư vào công ty con B về số \$213.750 cân đối của nó lúc mua vào 1/4/2011.

<i>b.</i>	<i>Doanh thu</i>	<i>25.000</i>	
	<i>Chi phí</i>		<i>12.500</i>
	<i>Vốn cổ phần – B</i>	<i>200.000</i>	
	<i>Lợi nhuận giữ lại</i>	<i>35.000</i>	
	<i>Cổ tức</i>		<i>10.000</i>
	<i>Đầu tư vào B</i>		<i>213.750</i>
	<i>Lợi ích cổ đông thiểu số</i>		<i>23.750</i>

Bút toán (b) loại trừ doanh thu, chi phí, cổ tức trước khi mua, loại trừ khoản mục đầu tư công ty con vào ngày mua, tách lợi ích cổ đông thiểu số tương ứng phần sở hữu trong công ty con.

<i>c.</i>	<i>Thu nhập cổ đông thiểu số</i>	<i>3.750</i>	
	<i>Cổ tức</i>		<i>1.500</i>
	<i>Lợi ích cổ đông thiểu số</i>		<i>2.250</i>

Bút toán (c) ghi nhận thu nhập, cổ tức của cổ đông thiểu số sau khi mua.

6.2 Mua lại từng phần

Một công ty có thể mua lại cổ quyền trong một công ty khác từng phần trong một thời kỳ nào đó. Khi đó, công ty mẹ phải điều chỉnh những khoản đầu tư từng phần đó theo vốn chủ sở hữu. Ngoại trừ điều chỉnh thu nhập trước khi mua (lãi dồn tích), trình tự hợp nhất tương tự như hợp nhất trong các chương trước.

Ví dụ: công ty Pod mua lại 90% cổ quyền trong công ty Sap trong một loạt cổ phần riêng lẻ giữa 1-7-2013 và 1-10-2013.

Ngày mua	Cổ quyền bị mua (%)	Chi phí đầu tư (\$)	Giá trị hợp lý tài sản ròng	Vốn vào ngày mua (\$)	Lợi thế thương mại
1/7	5	7.000			
1/8	5	8.000			
1/10	80	210.000 (262.500 * 80%)	262.500	220.000	42.500 (262.500 – 220.000)
Cộng	90	225.000			

Tài sản ròng của công ty Sap có giá trị hợp lý bằng giá trị sổ sách.

Pod mua cổ quyền trong tháng 7 và 8 ít hơn 20% nên sẽ khi nhận khoản đầu tư này theo phương pháp giá gốc. Đến 1/10 giá trị khoản đầu tư tăng lên 225.000 và tăng cổ quyền công ty Pod lên 90%. Khi đó Sap phải được hợp nhất và Pod điều chỉnh khoản đầu tư trước đó vào tháng 7 và 8 theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo thu nhập hợp nhất chỉ bao gồm doanh thu và chi phí của Sap từ trong 3 tháng (10, 11, 12)

- Giá hợp lý của 10% cổ quyền = $10\% * 262.500 = 26.250$
- Giá trị ghi sổ = 15.000
- Lãi do đánh giá lại khoản đầu tư = $26.250 - 15.000 = 11.250$
- Dự liệu bổ sung thu nhập của Sap trong năm
 - Từ 1/1/2013 – 30/09/2013 : 30.000
 - Từ 1/10/2013 – 31/12/2013: 10.000

Các bút toán hợp nhất như sau:

<i>a. Thu nhập từ Sap</i>	<i>9.000 (10.000 * 90%)</i>	
<i>Đầu tư vào Sap</i>		<i>9.000</i>
<i>b. Doanh thu</i>	<i>112.500</i>	
<i>Chi phí bao gồm CPBH</i>		<i>82.500</i>
<i>Vốn cổ phần – sap</i>	<i>100.000</i>	
<i>Lợi nhuận giữ lại</i>	<i>90.000</i>	
<i>Lợi thế thương mại</i>	<i>42.500</i>	

<i>Đầu tư vào Sap</i>	236.250
<i>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</i>	26.250
<i>c. Thu nhập cổ đông không kiểm soát</i>	<i>1.000 (10.000 * 10%)</i>
<i>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</i>	1.000

Vấn kiện hợp nhất của công ty mẹ và công ty con năm kết thúc ngày 31/12/2013 (Phụ lục 1).

6.3 Bán cổ quyền

6.3.1 Sau khi bán vẫn còn duy trì quan hệ công ty mẹ - công ty con

Việc chuyển nhượng cổ quyền có thể được thực hiện từ đầu kỳ hoặc trong kỳ kế toán của doanh nghiệp. Việc chuyển nhượng cổ quyền, mà cụ thể là bán sẽ làm giảm tỷ lệ vốn chủ sở hữu nắm giữ bởi công ty mẹ đối với công ty con hoặc công ty liên kết, điều đó cũng làm ảnh hưởng tới việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất vào cuối năm tài chính.

Ta xem xét nghiệp vụ bán cổ quyền trong niên độ qua ví dụ sau:

Công ty mẹ có năm tài chính bắt đầu từ 01/01/2012 và kết thúc vào 31/12/2012, hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Công ty mẹ nắm 90% cổ phần của công ty con, trị giá \$288,000 tại ngày 01/01/2012.

Ta có bảng thông tin về vốn chủ sở hữu tại công ty con như :

<i>Ngày 01/01/2012</i>	Công ty mẹ	Cổ đông thiểu số	Tổng
Vốn chủ sở hữu tại Cty con	270.000	30.000	300.000
Lợi thế thương mại	18.000	2000	20.000
Tổng	288.000	32.000	320.000

Vốn chủ sở hữu của công ty con tại thời điểm 01/01/2012 bao gồm:

Nguồn vốn kinh doanh	200.000
Lợi nhuận chưa phân phối	100.000
Tổng	300.000

Trong năm 2012, công ty con báo cáo khoản lợi nhuận là \$36,000, trong đó cổ tức được chia là \$20,000 vào ngày 01/07/2012.

6.3.1.1 Bán cổ quyền đầu kỳ

Giả sử công ty bán 10% cổ quyền của công ty con vào ngày 01/01/2012 lấy \$40.000. Trên sổ sách của công ty mẹ sẽ ghi nhận bán 10% cổ quyền như sau:

Tiền mặt 40.000

Đầu tư vào công ty con 32.000 (288.000/9)

Thặng dư vốn cổ phần 8.000

Đồng thời chúng ta cũng sẽ tính toán số dư đầu tư vào công ty con vào cuối năm như sau:

Số dư đầu tư vào công ty con ngày 01/01/2012 288.000

Trừ: - Giá trị sổ sách phần cổ quyền bán 32.000 (288.000/9)

- Cổ tức 16.000 (20.000 x 80%)

Cộng: Thu nhập 28.800 (36.000 x 80%)

Số dư đầu tư vào công ty con 31/12/2012 **268.800**

Trên sổ kế toán hợp nhất chúng ta ghi nhận các bút toán sau:

a. Loại trừ khoản đầu tư vào công ty con và khoản thu nhập, cổ tức từ công ty con

Thu nhập từ hoạt động tài chính 28.800 (36.000 x 80%)

Cổ tức 16.000

Đầu tư vào công ty con 12.800

b. Loại trừ khoản đầu tư vào công ty con, phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con và ghi nhận lợi ích cổ đông thiểu số.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu 200.000

đầu kỳ	288.000	(d)
Tổng giá trị đầu tư vào cty con tại 01/04/2012	296.100	(e) = (c) + (d)
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đã nhượng bán (1/9)	(32.900)	(f) = (e) / 9

Ta có các bút toán sau:

Ngày 01/04/2012

+ Ghi nhận khoản lợi nhuận từ kết quả hoạt động của cty con trong 3 tháng đầu năm 2012

Đầu tư vào cty con \$8.100

Thu nhập từ hoạt động tài chính \$8.100

+ Ghi nhận khoản lợi nhuận thu được từ nghiệp vụ thoái vốn tại công ty con

Tiền \$40.000

Đầu tư vào cty con \$32.900

Nguồn vốn KD \$7.100

Ngày 01/07/2012

Công ty con chia cổ tức là \$20,000. Tại thời điểm này, công ty mẹ chỉ còn nắm giữ 80% cổ phần của công ty con nên khoản cổ tức nhận được là: **\$20.000 x 80% = \$16.000**

+ Công ty mẹ hạch toán như sau:

Tiền \$16.000

Đầu tư vào cty con \$16.000

Ngày 31/12/2012

Công ty mẹ ghi nhận lợi nhuận hoạt động của công ty con trong 9 tháng còn lại từ ngày 01/04/2012.

Do công ty mẹ chỉ còn sở hữu 80% vốn của công ty con, nên lợi nhuận hoạt động của công ty con cần phải được tính lại

Kết quả kinh doanh của cty con trong năm 2012	36.000	(a)
Lợi nhuận thu được từ kết quả hoạt động kinh doanh của cty con trong 3 tháng đầu	27.000	(b) = (a) x 3/4
Lợi nhuận cty mẹ thu được trong 3 tháng đầu từ cty con(90%)	21.600	(c) = (b) x 80%

Đầu tư vào cty con \$21.600

Thu nhập từ hoạt động tài chính \$21.600

Như vậy, vào cuối năm tài chính (31/12/2012), số dư tài khoản “Đầu tư vào công ty con” của công ty mẹ vẫn tương tự với trường hợp ghi nhận nghiệp vụ thoái vốn (bán cổ phần) vào đầu kỳ.

Đầu tư vào công ty con (01/01/2012)	288.000
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đã nhượng bán (1/9)	(32.900)
Lợi nhuận thu từ kết quả kinh doanh của cty con quý I	8.100
Lợi nhuận thu từ kết quả kinh doanh của cty con quý II, III, IV	21.600
Cổ tức cty con đã trả cho công ty mẹ	(16.000)
Đầu tư vào công ty con (31/12/2012)	268.800

Về cơ bản, nghiệp vụ trên được ghi nhận theo phương thức nào thì kết quả khoản đầu tư vào công ty con tại cuối kỳ vẫn không thay đổi. Vì trên góc độ dòng tiền vào, công ty mẹ vẫn nhận được \$40,000 từ việc bán 10% cổ phiếu của công ty con và \$16,000 tiền cổ tức được chia từ công ty con. Điểm khác biệt chính là việc ghi nhận khoản lợi nhuận

từ công ty con trên sổ của công ty mẹ và lợi nhuận từ việc bán cổ phần của công ty con ảnh hưởng đến vốn của công ty mẹ

	Ghi nhận đầu kỳ	Ghi nhận giữa kỳ
Ảnh hưởng đến vốn của công ty mẹ	8.000	7.100
Lợi nhuận từ công ty con	28.800	29.700
Tổng	36.800	36.800

Vì cách thức ghi nhận các nghiệp vụ có sự khác biệt, nên các bút toán điều chỉnh khi hợp nhất báo cáo tài chính cũng có sự thay đổi so với phương pháp ghi nhận nghiệp vụ thoái vốn như là phát sinh từ đầu kỳ.

	Công ty mẹ	Công ty con	Bút toán điều chỉnh Nợ Có	Báo cáo hợp nhất
Doanh thu BH&CCDV	600.000	136.000		736.000
Doanh thu Hoạt động tài chính	29.700		a 29.700	-
Giá vốn và chi phí hoạt động	(508.800)	(100.000)		(608.800)
Lợi nhuận thuần				127.200
Cổ quyền không kiểm soát			c 6.300	(6.300)
Cổ quyền kiểm soát	120.900	36.000		120.900
Lợi nhuận giữ lại đầu kỳ (01/01/2012)				
Công ty mẹ	210.000			210.000
Công ty con		100.000	b 100.000	-
Cổ tức đã chia	(80.000)	(20.000)	a 16.000 c 4.000	(80.000)
Lợi nhuận chưa phân phối (31/12/2012)	250.900	116.000		250.900

Tài sản	639.200	350.000		989.200
			a 13.700	
Đầu tư vào cty con	268.800		255.10	-
			b 0	
Lợi thế thương mại		b 20.000		20.000
	908.000	350.000		1.009.200
Nợ phải trả	150.000	34.000		184.000
Vốn chủ sở hữu	500.000	200.000	b 200.000	500.000
Thặng dư vốn cổ phần	7.100			7.100
Lợi nhuận chưa phân phối (31/12/2012)	250.900	116.000		250.900
	908.000	350.000		
<i>Cổ quyền không kiểm soát (lợi ích cổ đông thiểu số)</i>				
01/01/2012 (10%)			b 32.000	
01/04/2012 (10%)			b 32.900	67.200
31/12/2012 Cổ tức được chia			c 2.300	
				1.009.200

Ta có các bút toán điều chỉnh như sau:

+ Điều chỉnh khoản lợi nhuận ghi nhận từ công ty con (quý I - \$8,100; quý II->IV - \$21,600), đồng thời ghi đảo bút toán nhận cổ tức của công ty con (\$16,000).

<i>Lợi nhuận từ cty con</i>	<i>\$29.700</i>
<i>Cổ tức được chia</i>	<i>\$16.000</i>
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	<i>\$13.700</i>

+ Điều chỉnh các khoản lợi thế thương mại, vốn chủ sở hữu của công ty con, các khoản lợi ích của cổ đông thiểu số.

<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>\$200.000</i>
<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>\$100.000</i>
<i>Lợi thế thương mại</i>	<i>\$20.000</i>
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	<i>\$255.100</i>
<i>Lợi ích cổ đông thiểu số quý I</i>	<i>\$32.000</i>
<i>Lợi ích cổ đông thiểu số quý II, III, IV</i>	<i>\$32.900</i>

Chúng ta ghi nhận lợi ích cổ đông thiểu số thành 1 mục riêng vì trong quá trình lập bút toán điều chỉnh, công ty mẹ đã hợp nhất toàn bộ phần vốn chủ sở hữu của công ty con vào tập đoàn. Trong đó lợi ích cổ đông thiểu số được tính như sau:

Nguồn vốn kinh doanh (01/01/2012)	200.000
Lợi nhuận chưa phân phối (01/01/2012)	100.000
Tổng	300.000
Lợi thế thương mại	20.000
Lợi ích cổ đông thiểu số tại ngày 01/01/2012 (10%)	32.000
Lợi nhuận năm 2012	36.000
Lợi nhuận quý I	9.000
Vốn kinh doanh tại cty con ngày 01/04/2012	309.000
Lợi thế thương mại	20.000
Lợi ích cổ đông thiểu số tăng thêm (10%)	32.900
Tổng lợi ích cổ đông thiểu số	64.900

Cuối cùng, ta điều chỉnh phần cổ tức đã chia cho cổ đông thiểu số

<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>\$6.300</i>
<i>Cổ tức đã chia cho CĐTS</i>	<i>\$4.000</i>
<i>Lợi ích cổ đông TS</i>	<i>\$2.300</i>

6.3.2 Sau khi bán không còn quan hệ công ty mẹ - công ty con

Trường hợp này xảy ra sau khi bán cổ quyền của công ty con, công ty mẹ không còn kiểm soát không ty con, cổ quyền của công ty mẹ trong công ty con sẽ ít hơn 50%. Công ty con lúc này sẽ không được hợp nhất, nghĩa là bị loại ra khỏi báo cáo tài chính hợp nhất. Khi đó công ty mẹ sẽ ghi nhận lãi hoặc lỗ từ việc bán cổ quyền của công ty con.

Thí dụ: giả sử công ty mẹ bán 90% cổ quyền của công ty con với giá \$550.000 bằng tiền mặt. Nếu giá trị hợp lý bằng giá trị ghi sổ là \$530.000 thì lúc này công ty con sẽ không được hợp nhất. Chúng ta sẽ ghi nhận bút toán bán cổ quyền như sau:

Tiền	550.000
Đầu tư vào công ty con	530.000
Lãi bán cổ quyền	20.000

6.4 Thay đổi do giao dịch chứng khoán (cổ phiếu) của công ty con

Việc phát hành cổ phiếu công ty con nhằm mở rộng hoạt động của công ty con thông qua huy động vốn bên ngoài (external financing). Hoạt động công ty con có thể mở rộng qua việc phát hành cổ phiếu của công ty con cho công ty mẹ hoặc công chúng.

Phần trăm sở hữu của công ty mẹ (người đầu tư) trong công ty con (bị đầu tư) có thể thay đổi do bán thêm cổ phiếu của công ty con hay do chính công ty con mua lại cổ phiếu của nó. Kết quả của các hoạt động này trên công ty mẹ tùy thuộc vào giá cả cổ phiếu bán thêm hay cổ phiếu tồn kho mua được, hay hoặc công ty mẹ trực tiếp liên quan đến các giao dịch với công ty con.

6.4.1 Bán cổ phiếu bổ sung bởi công ty con:

6.4.1.1. Công ty con bán cổ phần cho công ty mẹ

Khi công ty con bán cổ phần cho công ty mẹ của nó sẽ không dẫn đến công nhận lãi hay lỗ hay điều chỉnh thặng dư vốn cổ phần, nhưng nó dẫn đến kết quả có sai biệt giữa phí tổn / giá trị sổ sách bằng với cổ phần của công ty mẹ từ sai biệt trong vốn cổ đông công ty con ngay trước và ngay sau khi bán cổ phần này.

Ví dụ: Công ty A đầu tư vào công ty B \$180.000 và nắm giữ 80% cổ phần của công ty B (trị giá \$160.000) với lợi thế thương mại \$20.000.

	Ngày 1/1/2012
Vốn cổ phần của B	\$200.000
Số lượng cổ phiếu của B	10.000
Tỷ lệ vốn góp của A	80%
Vốn của A trong B	\$160.000
Lợi thế thương mại	20.000
Số dư khoản đầu tư vào	\$180.000

Ngày 2/1/2012, Công ty B bán 2.000 cổ phiếu cho công ty A.

Tỷ lệ vốn góp của A vào B: $(8.000+2.000)/(10.000+20.000)= 83,33\%$

Trường hợp 1: Công ty con bán cổ phiếu cho công ty mẹ theo giá sổ sách của mỗi cổ phiếu.

Công ty B bán thêm 2.000 cổ phiếu tồn (cổ phiếu quỹ) cho công ty A với giá \$20 mỗi cổ phần.

Khi đó đầu tư của A vào B tăng thêm: $\$20 \times 2.000 = \40.000

	Ngày 1/1 trước khi bán	Ngày 2/1 sau khi bán
Vốn cổ phần của B	\$200.000	\$240.000
Số lượng cổ phiếu của B	10.000	12.000
Tỷ lệ vốn góp của A	80%	83,33%
Vốn của A trong B	\$160.000	\$200.000
Lợi thế thương mại	20.000	20.000
Số dư khoản đầu tư vào	\$180.000	\$220.000

Việc giao dịch này không làm xuất hiện sự sai lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực của khoản đầu tư vào công ty B. Vì vậy khi lập báo cáo tài chính hợp nhất của công ty A ta không cần có bút toán điều chỉnh thêm lợi thế thương mại ngoại trừ khoản lợi thế thương mại từ trước (\$20.000).

Lợi thế thương mại 20.000

Đầu tư vào công ty B 20.000

Trường hợp 2: Công ty con bán cổ phiếu cho công ty mẹ theo giá cao hơn giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu.

Công ty B bán thêm 2.000 cổ phiếu tồn (cổ phiếu quỹ) cho công ty A với giá \$35 mỗi cổ phiếu.

Khi đó đầu tư của A vào B tăng thêm: $\$35 \times 2.000 = \70.000

Vốn của A trong B sau khi mua thêm 2.000 cổ phiếu: $(\$200.000 + \$70.000) \times 83,33\% = \225.000

Vậy giá trị sổ sách của 2.000 cổ phiếu công ty A mua: $\$225.000 - \$160.000 = \$65.000$

Chênh lệch giữa giá mua và giá trị sổ sách $\$70.000 - \$65.000 = \$5.000$

Chênh lệch giữa giá mua và giá trị sổ sách của cổ phiếu công ty A mua của công ty con chính là lợi thế thương mại phát sinh

	Ngày 1/1 trước khi bán	Ngày 2/1 sau khi bán
Vốn cổ phần của B	\$200.000	\$270.000
Số lượng cổ phiếu của B	10.000	12.000
Tỷ lệ cổ quyền của B do A nắm giữ	80%	83,33%
Vốn của A trong B	\$160.000	\$225.000
Lợi thế thương mại	20.000	25.000
Số dư khoản đầu tư vào	\$180.000	\$250.000

Việc bán cổ phần của công ty con với giá cao hơn giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ phát sinh lợi thế thương mại và cần ghi nhận bút toán điều chỉnh lợi thế thương mại khi lập báo cáo tài chính hợp nhất của công ty A.

Lợi thế thương mại 25.000

Đầu tư vào công ty B 25.000

Trường hợp 3: Công ty con bán cổ phiếu cho công ty mẹ theo giá thấp hơn giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu.

Công ty B bán thêm 2.000 cổ phiếu tồn (cổ phiếu quỹ) cho công ty A với giá \$15 mỗi cổ phiếu.

Khi đó đầu tư của A vào B tăng thêm: $\$15 \times 2.000 = \30.000

Vốn của A trong B sau khi mua thêm 2.000 cổ phiếu:
 $(\$200.000 + \$30.000) \times 83,33\% = \191.667

Vậy giá trị sổ sách của 2.000 cổ phiếu công ty A mua: $\$191.667 - \$160.000 = \$31.667$

Chênh lệch giữa giá mua và giá trị sổ sách $\$31.667 - \$30.000 = \$1.667$

Chênh lệch giữa giá mua và giá trị sổ sách của cổ phiếu công ty A mua của công ty con chính là bất lợi thể thương mại phát sinh. Khi lập báo cáo hợp nhất sẽ phân bổ khoản này để giảm tài sản được định giá cao. Tuy nhiên trên thực tế, giá trị chênh lệch này sẽ được điều chỉnh để giảm lợi thể thương mại trên báo cáo hợp nhất.

Lợi thể thương mại sau khi mua : $\$20.000 - \$1.667 = \$18.333$

Bút toán điều chỉnh:

Lợi thể thương mại 18,333

Đầu tư vào công ty B 18,333

	Ngày 1/1 trước khi bán	Ngày 2/1 sau khi bán
Vốn cổ phần của B	\$200.000	\$230.000
Số lượng cổ phiếu của B	10.000	12.000
Tỷ lệ cổ quyền của B do A nắm giữ	80%	83,33%
Vốn của A trong B	\$160.000	\$191.667
Lợi thể thương mại	\$20.000	\$18.333
Số dư khoản đầu tư vào	\$180.000	\$190.000

6.4.1.2. Công ty con bán cổ phiếu cho công ty bên ngoài

Nếu công ty B bán thêm 2.000 cổ phiếu cho các công ty khác, tỷ lệ sở hữu của công ty A đối với công ty con là công ty B là : $8.000/12.000 = 66,67\%$

Ảnh hưởng của việc bán này trên giá trị sổ sách chính yếu của A trong B theo mỗi trong ba giá thiết phát hành (\$20, \$35, và \$15 mỗi cổ phiếu) là:

	Ngày 2/1/2012 sau khi bán		
	Bán giá \$20	Bán giá \$35	Bán giá \$15
Vốn cổ phần của B	\$240.000	\$270.000	\$230.000
Tỷ lệ cổ quyền của B do A nắm giữ	66,67%	66,67%	66,67%
Vốn của A trong B sau khi phát hành	\$160.000	\$180.000	\$153.333
Vốn của A trong B trước khi phát hành	\$160.000	\$160.000	\$160.000
Tăng(giảm) vốn của A trong B	0	\$ 20.000	\$ (6.667)

Trong nghiệp vụ này, chúng ta không ghi nhận lãi hoặc lỗ mà điều chỉnh tài số dư khoản đầu tư và thặng dư vốn cổ phần của công ty mẹ. Bút toán ghi nhận sự thay đổi vốn chủ trên sổ sách của công ty mẹ A như sau:

Trường hợp 1: Bán ra bên ngoài với giá \$20 mỗi cổ phần không ảnh hưởng vốn của A trong B bởi vì giá bán bằng giá trị sổ sách. Vì vậy không có bút toán điều chỉnh trong trường hợp này

Trường hợp 2: Nếu cổ phần được bán với giá \$35 mỗi cổ phiếu (trên giá trị sổ sách), vốn của A trong B sẽ tăng \$20.000. Ta có bút toán sau:

Đầu tư vào B *\$ 20.000*
Thặng dư vốn cổ phần *\$20.000*

Trường hợp 3: nếu cổ phần được bán với \$15 mỗi cổ phần (dưới giá trị sổ sách), vốn của A trong B sẽ giảm \$6.667.

Thặng dư vốn cổ phần *\$6.667*
Đầu tư vào B *\$6.667*

6.4.2 Giao dịch cổ phiếu quỹ của công ty con

Việc công ty con mua lại cổ phiếu quỹ làm giảm vốn công ty con và số lượng cổ phiếu công ty đang lưu hành. Nếu cổ phiếu quỹ được cổ đông không kiểm soát mua theo giá trị sổ sách, thì không có thay đổi nào trong giá trị cổ phần của công ty mẹ từ vốn công ty con cho dù phần trăm sở hữu cổ quyền của công ty mẹ tăng.

Khi công ty con mua lại chính cổ phiếu mình từ cổ đông không kiểm soát theo số tiền cao hơn hay thấp hơn giá trị sổ sách làm tăng hay giảm giá trị cổ phần công ty mẹ từ giá trị sổ sách công ty con và đồng thời tăng phần trăm cổ quyền của công ty mẹ. Tình huống này đòi hỏi một bút toán trên sổ sách của công ty mẹ để điều chỉnh khoản đầu tư vào công ty con, giá trị điều chỉnh được tính bằng sai biệt trong cổ phần của công ty mẹ từ giá trị sổ sách của công ty con trước và sau khi giao dịch cổ phiếu quỹ.

Thí dụ: Công ty B là công ty con bị công ty A mua 80% cổ phần và giả sử rằng B có 10.000 cổ phần thường lưu hành vào 31-12-2012. Vào 1-1-2013, B mua 400 cổ phần của chính nó từ cổ đông không kiểm soát. Ảnh hưởng của việc mua cổ phiếu quỹ này trên giá trị cổ phần của A từ giá trị sổ sách của B được tóm tắt trong **Bảng 1** theo 3 giả thiết khác nhau liên quan đến giá mua cổ phiếu quỹ này.

Vốn cổ phần của A trong B trước khi B mua 400 cổ phiếu quỹ là \$160.000, và sở hữu cổ quyền là 80%, như thấy ở cột thứ nhất của **Bảng 1**. Việc B mua 400 cổ phiếu quỹ tăng phần trăm sở hữu cổ quyền của A lên 83,33.% (hay 8.000 trên tổng số 9.600 cổ phiếu đang lưu hành) bất kể giá B đã trả để mua lại cổ phiếu quỹ là bao nhiêu.

BẢNG 1

VỐN CỦA CÔNG TY B				
	Trước khi mua cổ phiếu quỹ	Sau khi mua cổ 400 phiếu quỹ giá \$20	Sau khi mua cổ 400 phiếu quỹ giá \$30	Sau khi mua cổ 400 phiếu quỹ giá \$15
Vốn cổ phần mệnh giá \$10	\$100.000	\$100.000	\$100.000	\$100.000
Lợi nhuận giữ lại	100.000	100.000	100.000	100.000
Tổng vốn chủ sở hữu	200.000	200.000	200.000	200.000
Trừ: cổ phiếu quỹ(chi phí)	-	8,000	12.000	6.000
Cổ quyền của A	4/5*	5/6**	5/6**	5/6**

Trường hợp 1: Nếu B mua 400 cổ phiếu với giá \$20 mỗi cổ phiếu. Giá trị cổ phần của A trong vốn cổ phần của B vẫn là \$160.000, như đã thấy ở cột thứ 2 của Bảng 1, cho dù cổ quyền của nó tăng lên 83,33%. Trong trường hợp này, không cần có điều chỉnh.

Trường hợp 2: Nếu B mua 400 cổ phiếu quỹ với giá \$30 mỗi cổ phiếu, vốn cổ phần của A giảm hết \$3.333 còn \$156.667, như thấy ở cột thứ 3 trên **BẢNG 1**. Sự sụt giảm được vào sổ sách của A với bút toán sau:

Thặng dư vốn cổ phần $(400 * (30 - 20) * 5/6)$ 3.333

Đầu tư vào B 3.333

Ghi nhận giảm khoản đầu tư của A vào B do B mua cổ phiếu quỹ cao hơn giá trị sổ sách.

Bút toán này giảm đầu tư của A vào B và cũng giảm thặng dư vốn cổ phần của A. Giao dịch cổ phiếu quỹ là một đặc tính của vốn, cho nên không ảnh hưởng đến lãi hay lỗ.

Trường hợp 3: Nếu B mua 400 cổ phiếu quỹ với giá \$15 mỗi cổ phiếu (thấp hơn giá trị sổ sách \$5 mỗi cổ phiếu). Kết quả của cuộc B mua lại chính cổ phiếu của mình, nên phần cổ phiếu của A từ vốn cổ phần của B tăng từ \$160.000 lên \$161.667. Khoản tăng \$1.667 cần điều chỉnh sau đây :

Đầu tư vào B $(400 * (20 - 15) * 5/6)$ \$1.667

Thặng dư vốn cổ phần \$1.667

Ghi nhận giảm khoản đầu tư do B mua cổ phiếu quỹ thấp hơn giá trị sổ sách

GAAP hiện tại ủng hộ sự điều chỉnh công ty mẹ cho sự thay đổi từ việc giao dịch cổ phiếu quỹ của công ty con.

GAAP không cho phép ghi nhận khoản lãi hoặc lỗ từ việc bán cổ phiếu quỹ nhưng cùng lúc yêu cầu phương pháp vốn chủ phân bổ sự chênh lệch giữa đầu tư theo giá hợp lý và giá trị sổ sách, trừ khi sự chênh lệch này là tài sản vô hình không xác định thời gian chẳng hạn như lợi thế thương mại.

Công ty mẹ kế toán các giao dịch cổ phiếu quỹ công ty con dựa trên giá trị sổ sách của tài sản ròng. Trong thời gian cổ phiếu quỹ được nắm giữ, giá trị sổ sách tài sản ròng sẽ thay đổi theo hoạt động của công ty con. Nếu cổ phiếu quỹ được bán lại, công ty mẹ sẽ hạch toán cho sự thay đổi này dựa trên giá trị sổ sách của tài sản vào thời điểm bán. Tuy

nhiên, giao dịch cổ phiếu quỹ không thường xuyên và không đáng kể bởi công ty con xu hướng bù đắp đối với mua, bán và không yêu cầu điều chỉnh.

6.4.3 Chia, tách cổ phiếu của công ty con

Chia và tách cổ phiếu bởi công ty con thì ít phổ biến trừ khi để tạo điều kiện cho cổ quyền không kiểm soát chủ động mua bán trên thị trường chứng khoán. Bởi vì công ty mẹ kiểm soát các hoạt động này và không có lợi ích đối với đơn vị hợp nhất hoặc công ty mẹ trong việc tăng số lượng cổ phần đang lưu hành thông qua chia hoặc cổ tức cổ phiếu. Thậm chí một công ty con chia cổ phiếu hoặc tách cổ phiếu thì ảnh hưởng của việc này đến trình tự hợp nhất là không đáng kể

Chia, tách cổ phiếu bởi công ty con làm tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành, nhưng nó không ảnh hưởng đến tài sản ròng và vốn của công ty con. Phần trăm cổ quyền công ty mẹ và cổ quyền không kiểm soát thì không bị ảnh hưởng khi công ty con tách cổ phiếu; theo đó kế toán công ty mẹ và trình tự hợp nhất cũng không bị ảnh hưởng.

Những nhận định ở trên tương tự đối với việc chia cổ phiếu của công ty con ngoại trừ tài khoản vốn chủ của công ty con bị thay đổi trong trường hợp cổ tức. Sự thay đổi này xảy ra bởi vì lợi nhuận giữ lại bằng với mệnh giá hoặc giá thị trường cổ phần phát hành thêm được chuyển cho thặng dư vốn. Mặc dù lợi nhuận giữ lại không ảnh hưởng đến kế toán công ty mẹ, nó thay đổi vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận giữ lại được loại trừ khỏi hợp nhất.

Thí dụ: Công ty Pit mua 80% cổ phiếu đang lưu hành của công ty Sod vào ngày 1/1/2011 với giá là \$160.000. Vốn cổ phần của Sod vào ngày mua như sau:

Vốn cổ phần mệnh giá \$10	\$100.000
Thặng dư vốn cổ phần	20.000
Lợi nhuận giữ lại	80.000
Tổng vốn cổ phần	\$200.000

Trong năm 2011, Sod có thu nhập ròng là \$30.000 và trả cổ tức bằng tiền mặt là \$10.000. Pit tăng khoản thu nhập từ đầu tư vào Sod là \$24.000 ($\$30.000 \times 80\%$) và giảm

cổ tức nhận được là \$8.000 ($\$10.000 \times 80\%$). Vì vậy, tài khoản đầu tư của Pit và Sod vào ngày 31/12/2011 là \$176.000

Trên cơ sở thông tin cung cấp, Bút toán hợp nhất cho công ty Pit và công ty con vào ngày 31/12/2011 sẽ bao gồm các điều chỉnh và loại trừ như sau

<i>Thu nhập từ Sod</i>	24.000
<i>Cổ tức - Sod</i>	8.000
<i>Đầu tư vào Sod</i>	16.000
 <i>Vốn cổ phần</i>	 100.000
<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	20.000
<i>Lợi nhuận giữ lại</i>	80.000
<i>Đầu tư vào Sod</i>	160.000
<i>Lợi ích cổ đông không kiểm soát đầu kỳ</i>	40.000

Nếu Sod công bố 10% cổ tức vào ngày 31/12/2011 và cổ phiếu của nó được bán với giá \$40 cho một cổ phiếu, công ty Sod sẽ ghi nhận cổ tức như sau:

<i>Cổ tức cổ phần phổ thông</i>	40.000
<i>Vốn cổ phần, \$10 mệnh giá</i>	10.000
<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	30.000

Chia cổ phiếu này không ảnh hưởng đến kế toán cho khoản đầu tư của Pit vào Sod (mặc dù có có nhiều cổ phiếu nhiều hơn và giá trị khác nhau cho một cổ phiếu), nhưng cổ tức không ảnh hưởng đến văn kiện hợp nhất, bởi vì giá trị vốn cổ phần của B tăng lên \$110.000 ($\$100.000 + \10.000) và thặng dư vốn cổ phần tăng lên \$50.000 ($\$20.000 + \30.000). Những bút toán điều chỉnh và loại trừ trên văn kiện hợp nhất vào ngày 31/12/2011 như sau:

<i>Thu nhập từ Sod</i>	24.000
<i>Cổ tức - Sod</i>	8.000
<i>Đầu tư vào Sod</i>	16.000

<i>Vốn cổ phần</i>	<i>110.000</i>
<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>50.000</i>
<i>Lợi nhuận giữ lại</i>	<i>80.000</i>
<i>Đầu tư vào Sod</i>	<i>160.000</i>
<i>Lợi ích cổ đông không kiểm soát đầu kỳ</i>	<i>40.000</i>
<i>Cổ tức phổ thông</i>	<i>40.000</i>

Chúng ta loại trừ \$40.000 tài khoản cổ tức tương ứng với số dư tài khoản đầu tư và vốn bởi vì nó là khoản bù đắp cho \$10.000 vốn cổ phần và \$30.000 thặng dư vốn cổ phần. Trong năm 2012, lợi nhuận giữ lại sẽ giảm \$40.000 từ cổ tức.

**PHỤ LỤC 1: VĂN KIẾN HỢP NHẤT CÔNG TY MẸ POD VÀ CÔNG TY CON CHO
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31/12/2013**

	Pod	90% Sap	Điều chỉnh		Báo cáo hợp nhất
			Nợ	Có	
Doanh thu	\$274.875	\$150.000	b.112.500		\$312.375
Thu nhập từ Sap	9.000		a.9.000		
Lãi từ đánh giá lại khoản đầu tư	11.250				11.250
Chi phí bao gồm CPBH	(220.000)	(110.000)		82.500	(247.500)
Thu nhập ròng hợp nhất					76.125
Thu nhập cổ quyền không kiểm soát (10% x \$40.000 x 3/12)			c.1.000		(1.000)
Thu nhập thuần của bên kiểm soát	<u>\$75.125</u>	<u>\$40.000</u>			<u>\$75.125</u>
Lợi nhuận giữ lại của Pod	\$221.500				\$221.500
Lợi nhuận giữ lại của Sap		\$90.000	b.90.000		
Thu nhập thuần của bên kiểm soát	75.125	40.000			75.125
Lợi nhuận giữ lại 31/12	<u>\$296.625</u>	<u>\$130.000</u>			<u>\$296.625</u>
<i>BẢNG CÂN ĐỐI</i>					
Tài sản khác	\$451.375	\$300.000			\$751.375
Đầu tư vào Sap	245.250			a.9.000 b.236.250	
Lợi thế thương mại			b.42.500		42.500
Tổng tài sản	<u>\$696.625</u>	<u>\$300.000</u>			<u>\$793.875</u>
Nợ phải trả	\$100.000	\$70.000			\$170.000
Vốn cổ phần	300.000	100.000	b.100.000		300.000
Lợi nhuận giữ lại	296.625	130.000			296.625
	<u>\$696.625</u>	<u>\$300.000</u>			
Cổ quyền không kiểm soát				b.26.250 c.1.000	27.250
					<u>\$793.875</u>

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài Chính (2003), Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003, Quyết định ban hành sáu chuẩn mực kế toán (đợt 3), Hà Nội.
2. Bộ Tài Chính (2007), Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007, Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Hà Nội.
3. F. Beams et al., 2012. *Advanced Accounting*. 11th ed. New Jersey: Pearson Education, Inc.